

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 381/2019/DS-ST
Ngày: 18/11/2019

NHÂN DANH

*V/v Tranh chấp Hợp đồng mua
bán tài sản*

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Nguyễn Văn Y

2/Bà Nguyễn Thị Mỹ Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thi,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trinh-**
Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2019/TLST-DS ngày 26/4/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐXXST-DS ngày 10/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2019/QĐST-DS ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Trịnh Thanh Đ,** sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp N, xã DĐ, huyện CT, Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Trà Duy L,** sinh năm 1967

Địa chỉ: 57/16 THĐ, phường 4, TP Mỹ Tho, Tiền Giang

2. **Bị đơn:** Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp H, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

(Ông L có mặt, bà M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trà Duy L trình bày: Trong khoảng thời gian từ 13/10/2017 đến ngày 06/12/2017 bà Lê Thị Ngọc M có mua nợ của ông Trịnh Thanh Đ tại Cửa hàng Kim O của ông Đ 08 điện thoại di động nhãn hiệu Apple bao gồm các đời máy: 07 điện thoại Iphone 8 Plus và 01 điện thoại Iphone X tổng giá trị là 185.600.000 đồng, đã thanh toán 60.552.000 đồng còn nợ 125.048.000 đồng. Bà M thống nhất chịu phạt lãi suất trả chậm số tiền còn nợ là 3%/tháng kể từ ngày 29/3/2018 hện đến ngày 14/5/2018 trả hết số nợ và lãi trả chậm tuy nhiên không thực hiện.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu bà M trả các khoản nợ cụ thể:

Trả số nợ gốc chưa thanh toán là 125.048.000 đồng. Trả tiền lãi trong hạn từ ngày 29/3/2018 đến ngày 14/5/2018 mức lãi suất 20%/tháng tính tròn là 45 ngày. Trả tiền lãi chậm trả từ ngày 15/5/2018 đến ngày xét xử 18/11/2019 tính tròn 18 tháng mức lãi suất 10%/tháng. Thực hiện trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Lê Thị Ngọc M vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Ngọc M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Ngọc M.

[2] Về quan hệ tranh chấp: ông Trịnh Thanh Đ khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền nợ mua điện thoại di động là 125.048.000 đồng và tiền lãi, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa ông Đ và bà M là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” được xem xét giải quyết theo Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung yêu cầu: Căn cứ vào “Giấy nợ tiền”, bản tự khai cũng như lời trình bày của đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 13/10/2017 đến ngày 06/12/2017 bà Lê Thị Ngọc M có mua nợ của ông Trịnh Thanh Đ tại Cửa hàng Kim O của ông Đ 08 điện thoại di động nhãn hiệu Apple bao gồm các đời máy: 07 điện thoại Iphone 8 Plus và 01 điện thoại Iphone X tổng giá trị là 185.600.000 đồng, đã thanh toán 60.552.000 đồng còn nợ 125.048.000 đồng. Bà M thống nhất viết giấy nợ tiền và ký tên đồng ý chịu phạt lãi suất trả chậm số tiền còn nợ là 3%/tháng kể từ ngày 29/3/2018 và hạn đến ngày 14/5/2018 trả hết số nợ và lãi trả chậm tuy nhiên không thực hiện. Do bà M cũng đã thừa nhận có nợ ông Đ và thống nhất phương án trả nợ nhưng sau đó không thực hiện nên ông Đ khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bà M trả các khoản nợ cụ thể: trả số nợ gốc chưa thanh toán là 125.048.000 đồng. Trả tiền lãi trong hạn từ ngày 29/3/2018 đến ngày 14/5/2018 mức lãi suất 20%/tháng tính tròn là 45 ngày. Trả tiền lãi chậm trả từ ngày 15/5/2018 đến ngày xét xử 18/11/2019 tính tròn 18 tháng mức lãi suất 10%/tháng. Thực hiện trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông Đ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Bị đơn bà M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, khi được Tòa án thực hiện tổng đạt các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy nợ tiền có chữ ký của bà M thì bà M cũng không có ý kiến hay yêu cầu phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc 125.048.000 đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ buộc bà M có nghĩa vụ trả cho ông Đ 125.048.000 đồng nợ gốc, đối với tiền lãi thì được xác định như sau: tiền lãi trong hạn từ ngày 29/3/2018 đến 14/5/2018 tính tròn là 45 ngày, mức lãi suất 20%/tháng, thành tiền là $125.048.000 \text{ đồng} \times (20\% \times 45 \text{ ngày}) \div 365 \text{ ngày} = 3.083.375 \text{ đồng}$. Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 15/5/2018 đến ngày 18/11/2019 tính tròn 18 tháng, mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là $125.048.000 \times (10\% \div 12 \text{ tháng}) \times 18 \text{ tháng} = 18.757.200 \text{ đồng}$. Tổng cộng bị đơn bà M phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Đ số tiền nợ gốc và lãi là 146.888.575 đồng, thời hạn trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các Điều 357, 430, 443, 468 Bộ luật dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 125.048.000 đồng và tiền lãi tổng cộng 21.840.575 đồng. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 430, Điều 431, Điều 433, Điều 434, Điều 436, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 357, Điều 429, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử: 1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Thanh Đ

Buộc bị đơn Lê Thị Ngọc M trả cho nguyên đơn ông Trịnh Thanh Đ số tiền nợ gốc và lãi 146.888.575 đồng, thời hạn trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Hoàn lại nguyên đơn ông Trịnh Thanh Đ số tiền 3.647.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0009656 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành. Bị đơn bà Lê Thị Ngọc M phải chịu 7.344.428 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.